Phụ lục 1:

UBND XÃ YÊN THÀNH
TRƯỜNG TH HỢP NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 10/BC- THHN

Yên Thành, ngày 12 tháng 10 năm 2026

BÁO CÁO CÔNG KHAI
Năm học: 2026 - 2027

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG.

1. **Tên trường** (Theo quyết định mới nhất): **Trường Tiểu học Hợp Nhân**
2. Tên trước đây (nếu có): Trường cấp 1 Nhân Thành; Trường TH&THCS Hợp Thành.
3. **Cơ quan chủ quản**: **UBND xã Yên Thành**

Tỉnh	Nghệ An	Họ và tên hiệu trưởng	**Trần Thị Đa**
Xã	Yên Thành	Điện thoại	0973.645.103
Đạt chuẩn quốc gia	Chưa đạt	Fax	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	Tháng 9.2026	Website	https://thhopnhan.gdyenthanh.edu.vn
Công lập	X	Số điểm trường	2
Tư thục	0	Loại hình khác	0
Trường chuyên biệt	0	Thuộc vùng khó khăn	0
Trường liên kết với nước ngoài	0	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	0

4. **Sứ mạng:**

*"Trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, Trường Tiểu học Hợp Nhân mang sứ mạng kiến tạo nền móng vững chắc cho thế hệ tương lai thông qua việc đổi mới giáo dục toàn diện."

*Tầm nhìn:

Trường Tiểu học Hợp Nhân định hướng trở thành cơ sở giáo dục chất lượng cao, tiên phong trong đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số ở cấp tiểu học; nơi xây dựng mô hình "Trường học Hạnh phúc" đáp ứng các tiêu chuẩn cốt lõi:

+ **Môi trường giáo dục:** An toàn, thân thiện, lấy học sinh làm trung tâm, tôn trọng sự khác biệt và khai phóng tiềm năng riêng biệt của từng em.

+ **Chất lượng đào tạo:** Học sinh được phát triển toàn diện về *Đức - Trí - Thể - Mỹ*, vững vàng về tri thức phổ thông, thành thạo kỹ năng số cơ bản và năng động trong tư duy.

+ Hội nhập và phát triển: Đào tạo thế hệ học sinh có nền tảng văn hóa dân tộc sâu sắc, sở hữu năng lực tự học và các kỹ năng của thế kỷ 21, sẵn sàng bước vào các cấp học tiếp theo để trở thành những công dân toàn cầu trách nhiệm.

*** Hệ thống giá trị cốt lõi của nhà trường:**

- Tinh thần đoàn kết: Xây dựng tập thể đoàn kết, thống nhất, có khả năng tương tác, hỗ trợ cùng hướng đến mục tiêu chung.

- Tinh thần trách nhiệm: Nêu cao vai trò, tinh thần trách nhiệm, ra sức thi đua, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ dạy và học.

- Tính trung thực: Đề cao giá trị lòng tự trọng, tính trung thực và ý thức cộng đồng của học sinh, trên nền tảng phẩm chất, tư cách, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ giáo viên.

- **Sự hợp tác:** Đề cao quan hệ mật thiết giữa nhà trường và Cha mẹ học sinh trong công tác chăm sóc, giáo dục học sinh. Đề cao tinh thần hợp tác với các trường bạn trong xã và trong huyện.

- Lòng nhân ái: Nuôi dưỡng những tâm hồn biết yêu thương, quan tâm, chia sẻ và giàu lòng nhân ái.

- Chủ động: Nêu cao tinh thần tự giác, chủ động trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Sáng tạo: Phát huy tinh thần sáng tạo, đổi mới trong tổ chức, quản lý và các hoạt động dạy học.

*** Mục tiêu:**

Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phấn đấu đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ 2 năm học 2027-2028; xây dựng môi trường giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

c. Mục tiêu chương trình giáo dục của nhà trường.

- Năm học 2026 - 2027 nhà trường thực hiện chương trình GDPT 2018 cho tất cả các khối lớp.

- Những đổi mới về mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học ở giáo dục phổ thông nói chung và giáo dục tiểu học:

Mục tiêu chung của giáo dục phổ thông là nhằm phát triển toàn diện con người Việt Nam có đạo đức, tri thức, văn hóa, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp; có phẩm chất, năng lực và ý thức công dân; có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo của mỗi cá nhân; nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc và hội nhập quốc tế. Trong đó:

Giáo dục tiểu học nhằm hình thành cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của học sinh; năng lực số chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học trung học cơ sở.

Chương trình giáo dục của trường giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

Các môn học và hoạt động giáo dục trong nhà trường áp dụng các phương pháp tích cực hoá hoạt động của học sinh , trong đó Giáo viên đóng vai trò tổ chức, hướng dẫn hoạt động cho học sinh , tạo môi trường học tập thân thiện và những tình huống có vấn đề để khuyến khích học sinh tích cực tham gia vào các hoạt động học tập, tự phát hiện năng lực, nguyện vọng của bản thân, rèn luyện thói quen và khả năng tự học, phát huy tiềm năng và những kiến thức, kĩ năng đã tích luỹ được để phát triển.

Các hoạt động học tập của học sinh bao gồm hoạt động khám phá vấn đề, hoạt động luyện tập và hoạt động thực hành (ứng dụng những điều đã học để phát hiện và giải quyết những vấn đề có thực trong đời sống), được thực hiện với sự hỗ trợ của thiết bị dạy học, đặc biệt là công cụ tin học và các hệ thống tự động hoá của kĩ thuật số.

Các hoạt động học tập nói trên được tổ chức trong và ngoài khuôn viên nhà trường thông qua một số hình thức chủ yếu sau: Học lí thuyết; thực hiện bài tập, thí nghiệm, trò chơi, đóng vai, dự án nghiên cứu, tham quan, đọc sách; sinh hoạt tập thể, hoạt động phục vụ cộng đồng.

Tuỳ theo mục tiêu, tính chất của hoạt động, học sinh được tổ chức làm việc độc lập, làm việc theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp nhưng phải bảo đảm mỗi học sinh được tạo điều kiện để tự mình thực hiện nhiệm vụ học tập và trải nghiệm thực tế.

Nhà trường có sứ mệnh phát triển nhân cách cho mỗi học sinh và phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện thường xuyên thay đổi; là trung tâm văn hoá giáo dục của địa phương; được giao quyền tự chủ theo quy định của pháp luật; thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở; chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương và cơ quan quản lí giáo dục các cấp.

- Phương pháp dạy học và đánh giá theo tiếp cận phát triển năng lực học sinh và những thay đổi từ phía người học, nhu cầu của học sinh, cha mẹ các em, nhu cầu của cộng đồng, xã hội.

Mục tiêu đánh giá kết quả giáo dục là cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt của chương trình và sự tiến bộ của học sinh để hướng dẫn hoạt động học tập, điều chỉnh các hoạt động dạy học, quản lí và phát triển chương trình, bảo đảm sự tiến bộ của từng học sinh và nâng cao chất lượng giáo dục.

Căn cứ đánh giá là các yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực được quy định trong chương trình tổng thể và các chương trình môn học, hoạt động giáo dục. Phạm vi đánh giá

bao gồm các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, môn học và chuyên đề học tập lựa chọn và môn học tự chọn. Đối tượng đánh giá là sản phẩm và quá trình học tập, rèn luyện của học sinh .

Kết quả giáo dục được đánh giá bằng các hình thức định tính và định lượng thông qua đánh giá thường xuyên, định kì ở cơ sở giáo dục, các kì đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương và các kì đánh giá quốc tế. Cùng với kết quả các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc, các môn học và chuyên đề học tập lựa chọn, kết quả các môn học tự chọn được sử dụng cho đánh giá kết quả học tập chung của học sinh trong từng năm học và trong cả quá trình học tập.

Việc đánh giá thường xuyên do Giáo viên phụ trách môn học tổ chức, kết hợp đánh giá của Giáo viên, của cha mẹ học sinh, của bản thân học sinh được đánh giá và của các học sinh khác.

Việc đánh giá định kì do nhà trường tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng ở cơ sở giáo dục và phục vụ phát triển chương trình.

Việc đánh giá trên diện rộng ở cấp quốc gia, cấp địa phương do tổ chức khảo thí cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức để phục vụ công tác quản lí các hoạt động dạy học, bảo đảm chất lượng đánh giá kết quả giáo dục ở cơ sở giáo dục, phục vụ phát triển chương trình và nâng cao chất lượng giáo dục.

Phương thức đánh giá bảo đảm độ tin cậy, khách quan, phù hợp với từng lứa tuổi, từng cấp học, không gây áp lực lên học sinh, hạn chế tốn kém cho ngân sách nhà nước, gia đình học sinh và xã hội.

Từng bước áp dụng các thành tựu của khoa học đo lường, đánh giá trong giáo dục và kinh nghiệm quốc tế vào việc nâng cao chất lượng đánh giá kết quả giáo dục, xếp loại học sinh và sử dụng kết quả đánh giá trên diện rộng làm công cụ kiểm soát chất lượng.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Tháng 7 năm 2025 sau khi chính quyền 2 cấp đi vào hoạt động, trường tiểu học Nhân Thành thuộc xã Yên Thành tỉnh Nghệ An. Xã Yên Thành được thành lập trên cơ sở sáp nhập 4 đơn vị hành chính: **T**hị trấn Hoa Thành, xã Đông Thành, xã Tăng Thành và xã Văn Thành**.** Sau sáp nhập, xã Yên Thành **có** tổng diện tích tự nhiên 38,13 km²**,** quy mô dân số 47.780 người**,** với 92 chi bộ trực thuộc và 2.622 đảng viên, là một trong những xã có quy mô dân số lớn nhất huyện Yên Thành (cũ). Vị trí địa lý của xã Yên Thành rất thuận lợi**:** Phía Đông giáp xã Quảng Châu và xã Minh Châu; phía Nam giáp xã Quan Thành, xã Hợp Minh và xã Minh Châu; phía Tây giáp xã Quang Đồng; phía Bắc giáp xã Giai Lạc và xã Đông Thành. Trên địa bàn xã có nhiều tuyến giao thông huyết mạch đi qua như Quốc lộ 7B, Quốc lộ 48E, Tỉnh lộ 538E, 537**, c**ùng hệ thống đường liên xã, liên thôn được đầu tư đồng bộ, có tính kết nối cao. Đây là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế – xã hội, thu hút đầu tư và nâng cao đời sống Nhân dân. Học sinh Nhân Thành được phân bổ ở 9 xóm: Xuân Thọ, Nhân Tiến, Nam Giang, Trung Thuận, Đông Yên, Trung Hồng, Văn Hội, Văn Tây, Phú Điền.

Tháng 9.2026 thực hiện sắp xếp cơ sở giáo dục, trường TH Nhân Thành sáp nhập với trường TH&THCS(Tách TH Hợp) trở thành trường TH Hợp Nhân. Điểm chính tại Nhân Thành(Xóm Xuân Thọ xã Yên Thành tỉnh Nghệ An); Phân hiệu tại Hợp Thành(Xóm Phụng Luật xã Yên Thành tỉnh Nghệ An). Địa bàn Hợp Thành cũ có 5 xóm: Vĩnh Hoà, Đông An, Đông Phan, Phụng Luật,…

Chính quyền địa phương, các tổ chức ban ngành, đoàn thể và CMHS rất quan tâm, đồng thuận, hưởng ứng và hỗ trợ nhà trường trong các hoạt động giáo dục. Luôn giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhà trường trong các hoạt động giáo dục.

Trình độ dân trí của xã nhà tương đối đồng đều, khoảng 90% trình độ văn hóa 12/12, là 1 xã có truyền thống hiếu học. Cùng với sự tăng trưởng về kinh tế và xã hội , giáo dục và đào tạo xã Yên Thành cũng có những bước tiến vượt bậc.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

Họ và tên: Trần Thị Đa – Chức vụ: Hiệu trưởng. Số ĐT: 0973645103;

Email: Tranlyda.yt@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a, Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Trường Hợp Nhân được thành lập theo QĐ 2244/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2026 với tên gọi trường tiểu học Hợp Nhân. sáp nhập với trường TH&THCS(Tách TH Hợp) trở thành trường TH Hợp Nhân. Điểm chính tại Nhân Thành(Xóm Xuân Thọ xã Yên Thành tỉnh Nghệ An); Phân hiệu tại Hợp Thành(Xóm Phụng Luật xã Yên Thành tỉnh Nghệ An). Địa bàn Hợp Thành cũ có 5 xóm: Vĩnh Hoà, Đông An, Đông Phan, Phụng Luật, Xuân Lập

b, Quyết định điều động, phó hiệu trưởng, bổ nhiệm lại hiệu trưởng:

+ Quyết định thành lập trường số 2244/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2026;

+ Quyết định cho phép trường tiểu học Hợp Nhân đi vào hoạt động giáo dục số 2252 ngày 29 tháng 8 năm 2026.

+ Quyết định bổ nhiệm hiệu trưởng trường TH Hợp Nhân số 2266/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2026. Bà: Trần Thị Đa

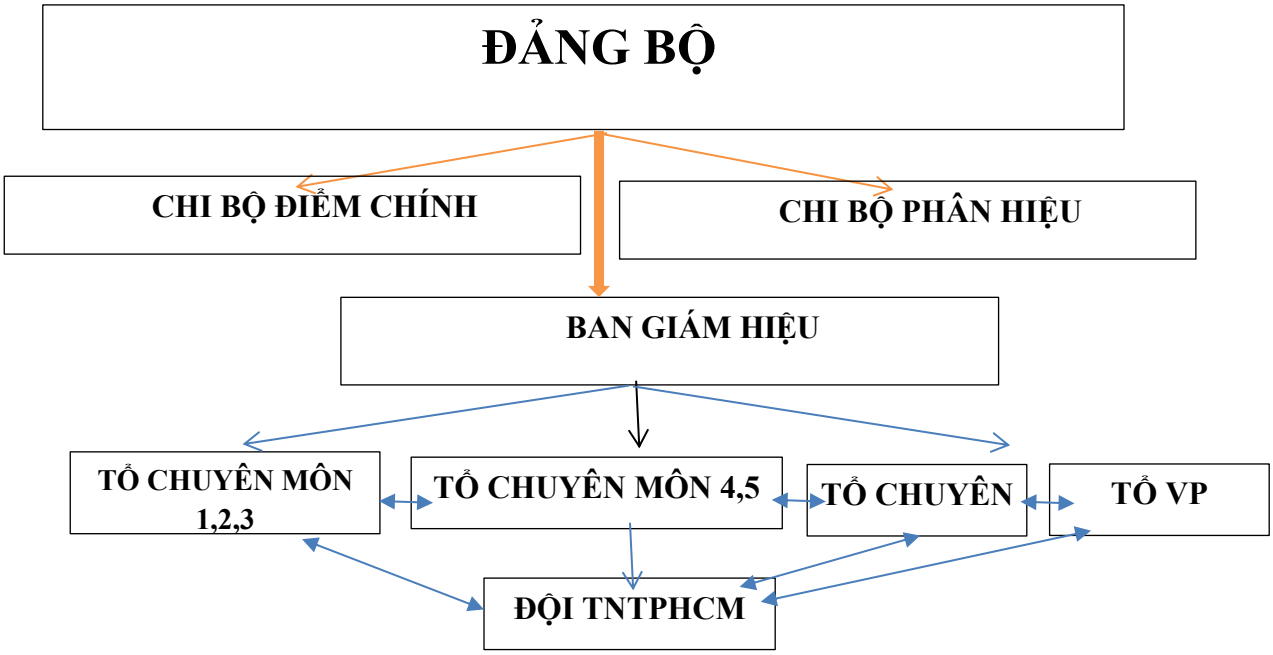
+ Quyết định bổ nhiệm phó HT số 2267, 2268/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2026 bà: Nguyễn Thị Hiền và bà Nguyễn Thị Hoà.

+ Quyết định điều động viên chức, nhân viên đến tiếp nhận công tác: bà: Nguyễn Thị Thái(KT) bà Vũ Thị Lan Anh(kế toán viên).

c, Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có): Căn cứ Điều lệ trường

Tiểu học số 15/2026/TT-BGD&ĐT ngày 24/03/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Cơ cấu bộ máy của nhà trường như sau:



01 Hiệu trưởng; và 02 phó Hiệu trưởng; 03 tổ chuyên môn: Tổ 1,2,3 và tổ 4,5; Tổ GV chuyên; Tổ VP. Mỗi tổ có 01 tổ trưởng và 01 tổ phó.

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

** Tình hình đội ngũ Cán bộ quản lý, Giáo viên, Nhân viên.*

Đội ngũ Cán bộ QL&GV đảm bảo đủ số lượng theo yêu cầu của Điều lệ trường Tiểu học. Đội ngũ CBQL của trường có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý điều hành, làm việc khoa học, hiệu quả và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, đáp ứng nhiệm vụ giảng dạy, tạo được uy tín trong nhân dân.

TT	Chức danh	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Chuẩn hiệu trưởng, chuẩn nghề nghiệp GV			Trình độ LLCT		
					Chưa đạt	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	Đạt	Khá	Tốt	SC	TC	CC
1	Hiệu trưởng	1	1			1				1		1	
2	Phó hiệu trưởng	2	2			2				2		2	
3	Giáo viên	63	58			62	1						
4	Nhân viên	6	6			6					1		
	Cộng	72	66			71	1			3	1	3	

5	Cán bộ quản lý cốt cán	2	2			2				2		2	
6	Giáo viên cốt cán	3	3			3				3	3		
7	Giáo viên dạy giỏi cấp xã	4	4			4				4	4		
8	Giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	5	5			5				5	5		

** Đánh giá xếp loại cán bộ, giáo viên cuối năm.*

Đội ngũ Cán bộ quản lý của trường có phẩm chất đạo đức tốt, năng lực chuyên môn vững vàng, năng động, sáng tạo, làm việc khoa học, hiệu quả và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đội ngũ giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần trách nhiệm cao, năng lực chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, tạo được uy tín

trong nhân dân. 100% CBGV, NV đảm bảo đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác trong giai đoạn mới.

- Số lượng đảng viên 47 đ/c chiếm tỷ lệ 65,3%. Trong đó: trình độ lý luận chính trị Trung cấp 03 đ/c. Hàng năm 100% số đảng viên của chi bộ được xếp loại Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

- Xếp loại viên chức theo NĐ 90: Có 14 đồng chí đạt HTXSNV; HTTNV: 57 đ/c;
- Danh hiệu thi đua: LĐTT: 71 đ/c, CSTĐ: 11 đ/c, UBND xã khen: 7 đ/c; Bằng khen chủ tịch UBND tỉnh: 01 đ/c; 01 đ/c Thủ Tướng tặng Bằng khen; 02 Nhà giáo ưu tú(Trần Thị Đa và Đặng Thị Mai Huy).

* Đánh giá chung về tập thể:

- Chi bộ : Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- Trường đạt tập thể LĐ tiên tiến
- Điểm Nhân đạt chuẩn QGMĐ 2; Phân hiệu Hợp(chưa đạt).
- Liên đội: Được cấp tỉnh khen thưởng.

**Chất lượng giáo dục:*

Học sinh:

TOÀN TRƯỜNG	**TỔNG SỐ**	**TRONG ĐÓ**					**GHI CHÚ**
		Khối 1	**Khối 2**	**Khối 3**	**Khối 4**	**Khối 5**	
➢ Số lớp	45	9	9	9	10	9	
➢ Số học sinh	1540	272	292	306	362	305	
Tỉ lệ HS/lớp	34,2	30,2	32,5	34	36,2	33,9	

Trong đó: - *Nữ*	761	136	146	155	177	147	
+ Học 2 buổi/ngày	1540	272	292	306	362	305	
- *Khuyết tật*	13	1	5	1	3	3	
- *Chính sách*	49		8	11	14	16	
- *Lưu ban*	10	8	1		1		
- *Bán trú*	649	132	148	149	125	95	
Tuyển mới	***265***	***265***					

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

(Đối chiếu với thông tư 13/2020/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 5 năm 2020 Ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học)

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn mức độ 2	Số phòng đã có	Đạt/chưa đạt	Chú thích
1	**Khối phòng học tập**		**27**		
1.1	Phòng học	1,35m^2/học sinh; 1,50m^2/học sinh nếu kết hợp nghỉ trưa	51	Đạt tốt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 40m^2/phòng
1.2	Phòng học bộ môn Âm nhạc	1,85m^2/học sinh	2	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m^2/phòng
1.3	Phòng học bộ môn Mỹ thuật	1,85m^2/học sinh	2	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m^2/phòng
1.4	Phòng học bộ môn Tin học	1,50m^2/học sinh	2	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m^2/phòng
1.5	Phòng đa chức năng	1,50m^2/học sinh	2	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 50m^2/phòng
2	**Khối phòng hỗ trợ học tập**		**5**		
2.1	Thư viện	0,60m^2/học sinh; phòng đọc 2,40m^2/chỗ	2	Đạt	Tổng diện tích không nhỏ hơn 54m^2/thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường
2.2	Phòng thiết bị giáo dục	48m^2/phòng	2	Đạt	
2.3	Phòng tư vấn học đường và hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập	24m^2/phòng	2	Đạt	Kết hợp phòng KT
2.4	Phòng Đội Thiếu niên	0,03m^2/học sinh	2	Đạt	
2.5	Phòng truyền thống	48m^2/phòng trở lên	2	Đạt	
3	**Khối phụ trợ**		**6**		
3.1	Phòng họp	1,20m^2/người	2	Đạt	01 hội trường điểm chính
3.2	Phòng Y tế trường học	24m^2/phòng	2	Đạt	

3.3	Nhà kho	48m^2/kho	2	Đạt	
3.4	Khu để xe học sinh	0,90m^2/xe đạp	04	Đạt	Số lượng xe được tính từ 20% đến 35% tổng số học sinh toàn trường
3.5	Khu vệ sinh học sinh	0,06m^2/học sinh	16	Đạt	
3.6	Phòng nghỉ giáo viên	12m^2/phòng	0	Đạt	
3.7	Phòng giáo viên	4m^2/giáo viên	0		
4	**Khu sân chơi, thể dục thể thao**				
4.1	Sân trường	1,50m^2/học sinh	02	Đạt	
4.2	Sân thể dục thể thao	0,35m^2/học sinh	02	Đạt	
4.3	Nhà đa năng	450m^2/nhà sàn tập 12x24m	02	Đạt	
5	**Khối phục vụ sinh hoạt**		**3**		
5.1	Nhà bếp	0,30m^2/học sinh	1	Đạt	
5.2	Kho bếp	10m^2/kho thực phẩm; 12m^2/kho lương thực	1	Đạt	
5.3	Nhà ăn	0,65m^2/chỗ	3	Đạt	Đạt
6	**Khối phòng hành chính quản trị.**		**3**		
6.1	Phòng Hiệu Trưởng		1	Đạt	
6.2	Phòng PHT		2	Đạt	
6.3	Phòng Bảo vệ		2	Đạt	
Tổng			45	**Đạt**	

- Khu sân chơi, thể dục thể thao: Có sân chơi, sân tập TDTT đảm bảo theo quy định.

- Hạ tầng kỷ thuật: Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống điện, hệ thống phòng cháy, chữa cháy, hạ tầng Công nghệ thông tin,... đảm bảo theo quy định.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Trường Tiểu học Hợp Nhân đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng về mục đích kiểm định chất lượng. Trong đó, tự đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường là tự xem xét, tự kiểm tra, chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu của từng tiêu chí, xây dựng 10 kế hoạch cải tiến chất lượng và các biện pháp thực hiện, để đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, thường xuyên cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục. Trường Tiểu học Hợp Nhân tự đánh giá chất lượng giáo dục, để xác định rõ trường đã đạt được ở cấp độ nào, từ đó đăng kí kiểm định chất lượng với cấp trên vào năm học 2027 -2028. Từng năm học, nhà trường đã nghiêm túc thực hiện quá trình tự đánh giá và nộp báo cáo tự đánh giá về bộ phận khảo thí của Sở GD&ĐT; Đồng thời thấy được ý nghĩa thiết thực của công việc tự đánh giá đã giúp nhà trường nhận ra được những điểm mạnh, điểm yếu để từ đó đề ra những giải pháp cải tiến chất lượng mang tính khả thi. Công việc tự đánh giá đã có tác động tích cực trong việc nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động giáo dục của nhà trường trong những năm gần đây Công tác kiểm định chất lượng được nhà trường quan tâm. Hàng năm

nhà trường đều tổ chức rà soát đánh giá lại, bổ sung kế hoạch cải tiến chất lượng để đảm bảo thực hiện tốt công tác dạy học.

Trường Tiểu học Hợp Nhân thực hiện thông tư 57/2026/BGD&ĐT ngày 7 tháng 7 năm 2026 Thông tư quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông, nhà trường đã tiến hành tự đánh giá theo đúng quy trình tự đánh giá:

a) Thành lập Hội đồng tự đánh giá;

b) Thu thập, cập nhật, sử dụng và phân tích thông tin, dữ liệu, minh chứng phù hợp; c) Xác định điểm mạnh, hạn chế, nguyên nhân và mức thực hiện hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục;

d) Xây dựng, thực hiện, theo dõi và điều chỉnh kế hoạch cải tiến chất lượng;

đ) Công khai, giải trình kết quả tự đánh giá theo quy định.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC.

- Công tác huy động số lượng và PCGDTH ĐĐT. Phụ lục 1.2.

Thực trạng nhà trường năm học 2026 - 2027

1. Kết quả học tập và rèn luyện theo quy định của học sinh năm học 2025 -2026 và KSCL chất lượng đầu năm học 2026-2027).

TT	Số liệu	Khối lớp 1	Khối lớp 2	Khối lớp 3	Khối lớp 4	Khối lớp 5	Điểm TBC khảo sát chất lượng khối 5 (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh)
1	Tổng số HS/số lớp		287 (5KT)	305 (1KT)	357 (3KT)	301 (3KT)	
2	Số HS đạt các chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế						
3	Số HS đạt các chứng chỉ Toán quốc tế						
4	Số HS đạt các chứng chỉ Tin quốc tế						
5	Số HS đạt giải các cuộc thi quốc tế						
6	Số HS đỗ vào các trường chuyên						

7	Điểm TBC các môn		7,9	7,8	7,8	7,8	7,8
8	Điểm TBC môn Toán		8,0	8,1	7,8	7,8	7,8
9	Điểm TBC môn Tiếng Việt		7,8	7,7	7,8	7,7	7,7
10	Điểm TBC môn Khoa học				7,9	7,9	
11	Điểm TBC môn Lịch sử và Địa lý				7,9	7,9	
12	Điểm TBC môn Tiếng Anh			7,7	7,8	7,7	
13	Điểm TBC môn Tin học			7,7	7,3	7,6	
14	ĐiểmTBCmôn CN			7,9	7,8	7,9	
15	Đạo đức		HTT: 64,1% HT: 35,9 % CHT: 0 %	HTT: 57,3% HT: 42,7 % CHT:0 %	HTT: 63 % HT: 37 % CHT: 0 %	HTT: 54,3 % HT: 45,7 % CHT: %	
16	Tự nhiên xã hội		HTT: 64,3 % HT: 35,7 % CHT: 0 %	HTT: 59,7% HT:40,3 % CHT: %			
17	Âm nhạc		HTT: 61 % HT: 39 % CHT: 0 %	HTT: 61,3 % HT: 38,7 % CHT: 0 %	HTT: 63 % HT: 37 % CHT: 0 %	HTT: 61,8% HT: 38,2 % CHT: %	
18	Mĩ thuật		HTT: 58,5 % HT: 41,5% CHT: 0%	HTT: 61% HT: 39 % CHT: 0 %	HTT: 61,6 % HT: 38,4 % CHT: %	HTT: 59,8 % HT: 40,2 % CHT: %	
19	GDTC (Thể dục)		HTT: 65,2 % HT: 34,8 % CHT: 0%	HTT: 59,7 % HT: 40,3 % CHT: 0 %	HTT: 59,4 % HT: 40,6 % CHT: 0 %	HTT: 63,8% HT: 36,2 % CHT: 0 %	

20	Hoạt động TN		HTT: 63,6% HT: 36,4 % CHT: 0 %	HTT: 60 % HT: 40 % CHT: 0 %	HTT: 62,7 % HT: 37,3 % CHT: 0 %	HTT: 54,3 % HT: 45,7 % CHT: 0 %	

Trong đó:

- Đánh giá HS (theo Thông tư 27/2020/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học). **Phụ lục 3**

TT	Nội dung	Tổng	TL %	L1	TL %	L2	TL %	L3	TL %	L4	TL %	L5	TL %
1	**Đánh giá Kết quả cuối năm**	**1540**	**100**	**276**	**100**	**292**	**100**	**306**	**100**	**360**	**100**	**304**	**100**
1.1	Hoàn thành xuất sắc	428	28,1	84	30,5	87	30,3	75	24,6	105	29,4	77	25,6
1.2	Hoàn thành tốt	464	30,4	75	27,3	127	44,3	90	29,5	94	26,3	78	25,9
1.3	Hoàn thành	624	40,9	108	39,3	72	25,1	140	45,9	158	44,3	146	48,5
1.4	Chưa hoàn thành	9	0,6	8	2,9	1	0,3						
2	**Danh hiệu Khen thưởng**	892	58,5	159	57,8	214	74,6	165	54,1	199	55,7	155	51,5
2.1	Học sinh ***Xuất sắc***	428	28,1	84	30,5	87	30,3	75	24,6	105	29,4	77	25,6
2.2	Học sinh **Tiêu biểu** HTT trong học tập và rèn luyện	464	30,4	75	27,3	127	44,3	90	29,5	94	26,3	78	25,9
2.3	Khen thưởng đột xuất												
2.4	Đề nghị cấp trên khen thưởng	186	12,2	29	10,5	64	22,3	40	13,1	25	7,0	28	9,3
2.5	Gửi thư khen												
3	**Hoàn thành chương trình lớp học**												
3.1	Hoàn thành	1516	99,4	267	97,1	286	99,7	305	100	357	100	301	100
3.2	Chưa hoàn thành	9	0,6	8	2,9	1	0,3						

PHỤ LỤC 2

Chuẩn đầu ra chất lượng học tập của học sinh năm học 2026 – 2027(Cam kết đầu ra)

TT	Lớp	Toán			Tiếng Việt			Ngoại ngữ			Tổng hợp chung		
		TBTT-1	Vị thứ	TBCK-3	TBTT-1	Vị thứ	TBCK-3	TBTT-1	Vị thứ	TBCK-3	TB TT	Vị thứ	TB CK
1	1A												
0	1B												
3	1C												
4	1D												
5	1A1												
6	1B1												
7	1C1												
8	1D1												
9	**TB Khối**												
10	2A	8,2	2	8,3	7,7	3	7,7				8,0	3	8,0
11	2B	8,4	1	8,4	7,8	2	7,6				8,1	1	8,0
12	2C	7,9	5	8,3	7,4	5	7,9				7,7	5	8,1
13	2D	8,2	2	8,3	7,9	1	7,9				8,1	1	8,1
14	2E	8,0	4	8,0	7,5	4	7,5				7,8	4	7,8
15	2A1	7,3	6	8,2	7,3	6	8,0				7,3	6	8,1
16	2B1	6,3	9	7,7	6,3	9	7.5				6,3	9	7,6
17	2C1	7,3	6	8,0	7,2	7	7,9				7,3	6	8,0
18	2D1	6,6	8	7,3	6,5	8	7.4				6,6	8	7,4
19	**TB Khối**	**7,6**		**8,0**	**7,3**		**7,7**				**7,5**		**7,9**
20	3A	7,9	3	8,0	7,8	2	7,9	7,7	1	8,0	7,8	1	8,0
21	3B	8,0	2	8,2	7,5	4	7,9	7,2	4	7,7	7,6	4	7,9
22	3C	8,3	1	8,6	7,9	1	8,3	7,1	5	7,5	7,8	1	8,1

23	3D	7,6	5	8,1	7,8	2	8,0	7,4	3	8,0	7,6	4	8,0
24	3E	7,8	4	8,3	7,5	4	7,8	7,7	1	7,9	7,7	3	8,0
25	3A1	6,7	8	7,8	6,8	7	7,7	7,0	6	7,5	6,8	7	7,7
26	3B1	7,1	6	8,0	7,3	6	8,2	7,0	6	7,5	7,1	6	7,9
27	3C1	6,9	7	7,8	6,6	8	7,5	6,7	8	7,6	6,7	8	7,6
28	3D1	6,5	9	7,7	6,4	9	7,6	6,3	9	7,5	6,4	9	7,6
29	**TB Khối**	**7,4**		**8,1**	**7,3**		**7,9**	**7,1**		**7,7**	**7,3**		**7,9**
30	4A	7,7	2	7,7	7,9	2	7,9	8,0	1	8,0	7,9		7,9
31	4B	7,9	1	8,1	7,8	3	7,9	7,8	6	7,9	7,8		8,0
32	4C	7,7	3	8,2	7,9	1	8,2	8,0	4	8,1	7,9		8,2
33	4D	7,6	4	7,8	7,5	5	7,6	8,0	1	8,1	7,7		7,8
34	4E	7,6	4	7,8	7,5	5	7,5	7,9	5	7,9	7,7		7,7
35	4A1	7.6	4	8.1	7.6	4	8,0	8,0	1	8,3	7,7		8,1
36	4B1	7,0	9	7.5	7,0	8	7.5	7,1	8	7,5	7,0		7,5
37	4C1	7,3	7	8,3	7,2	7	8,0	7,3	7	7,8	7,3		8,0
38	4D1	7,2	8	7,8	7,0	8	7,5	6,8	9	7,3	7,0		7,5
39	4E 1	6,5	10	7,0	6.5	10	7,0	6,5	10	6,8	6,5		6,9
40	**TB Khối**	**7,4**		**7,8**	**7,4**		**7,7**	**7,5**		**7,8**	**7,4**		**7,8**
41	5A	7,4	4	7,8	7,3	3	7,7	7,4	4	7,6	7,4	3	7,7
42	5B	7,4	4	7,8	7,3	3	7,7	7,1	8	7,5	7,3	5	7,7
43	5C	8.4	1	8,4	7.8	1	7,8	8.7	1	8,7	8.3	1	8,3
44	5D	7,6	3	7,9	7,3	3	7,6	7,3	5	7,6	7,4	3	7,7
45	5E	7,9	2	7,9	7,7	2	7,7	7,3	5	7,5	7,6	2	7,7
46	5A1	6.9	8	7.9	6.9	8	7.9	7.3	5	7,7	7,0	8	7,8
47	5B1	7.1	7	7.8	6.9	8	7.2	7,0	9	7,4	7,0	8	7,5
48	5C1	6.8	9	7.7	7.2	6	7.9	7,5	2	7,8	7,2	7	7,8

49	5D1	7.2	6	7.6	7.2	6	7.7	7.5	2	7.7	7.3	6	7.7
50	**TB Khối**	**7,4**		**7,9**	**7,3**		**7,7**	**7,5**		**7,7**	**7,4**		7,8
51	**TBCTT**	**7,5**		**8,0**	**7,3**		**7,8**	**7,4**		**7,7**	**7,4**		**7,8**

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH. Phụ lục 1.3.

Điều 5. Thu, chi tài chính

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước năm 2026)

Số TT	**Chỉ số thống kê**	Năm báo cáo 9-12/2026	Ghi chú
A	**TỔNG THU HOẠT ĐỘNG**	8.297.590.002	
I	**Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư**	8.263.880.542	
II	**Thu giáo dục và đào tạo**		
III	**Thu khoa học và công nghệ**		
IV	**Thu khác (VĐTT,BT,XĐ)**	33.709.460	
B	**TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG**	**8.041.039.622**	
I	**Chi lương, thu nhập**	6.229.015.718	
1	Chi tiền lương, phụ cấp và các khoản đóng góp	6.213.015.718	
2	Chi thu nhập khác	16.000.000	
II	**Chi cơ sở vật chất và dịch vụ**	899.999.904	
1	Chi cho đào tạo		
2	Chi cho nghiên cứu		
3	Chi cho phát triển đội ngũ		

4	Chi phí chung và chi khác	899.999.904	
III	**Chi hỗ trợ người học**		
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập		
2	Chi hoạt động nghiên cứu		
3	Chi hoạt động khác		
IV	**Chi khác**	912.024.000	
1	**Tiền thưởng**	912.024.000	

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học, bao gồm: học phí, lệ phí, tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển.

STT	Nội dung	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
1	BHYT	Đồng/học sinh/tháng	56.925 đ/tháng	- CV số 427/LN-BHXH-GD&ĐT ngày 09/09/2026 Hướng dẫn triển khai BHYT học sinh
3	Tiền ăn bán trú; cô nuôi	HS/ngày	26.500đ/HS/ngày	Thực hiện theo Công văn số 3226/ SGD ĐT -TC&ĐTGD ngày 9/9/2026 của Sở Giáo dục & Đào tạo về V/v hướng dẫn công tác quản lý thu, chi năm học 2026 - 2027 tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Nghệ An.
4	Tiền đồ dung bán trú	HS/năm học	Tuyển mới 350.000đ/năm học Bổ sung 200.000đ/năm học	

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học: Không

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Không

5. Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở. Công khai hàng tháng trong các cuộc họp Hội đồng sư phạm nhà trường.

5.1 Công khai công tác thu chi vận động tài trợ năm học 2025-2026: Không vận động.

6 5.2 Công khai nguồn thu năm 2026

7

STT	Nguồn thực hiện	Dự toán chi	Ghi chú
1	Nguồn ngân sách chi thường xuyên	6.564.706.949	Chi lương, phụ cấp lương, BH,KPCĐ, các khoản chi khác….
2	Nguồn ngân sách chi không thường xuyên	928.024.000	Tiền thưởng NĐ 73
		17.400.000	Chính sách hỗ trợ HS Nghèo, HS Khuyết tật

8

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC.

+ Nhà trường đã chỉ đạo thành công thực hiện CTGDPT 2018.

+ Chương trình dạy học kết thúc đúng quy định.

+ Học sinh tích cực tham gia các cuộc thi và sân chơi trí tuệ: Toán tuổi thơ; Hội khỏe phù đổng từ cấp trường đến cấp huyện; cuộc thi tin học trẻ đạt giải nhì cấp huyện.

+ Các sân chơi trí tuệ được các em tham gia rất cao như: TOEFL Prymary; Đấu trường toán học; Trạng nguyên TV; Tiếng Anh trên Internet; Englich Change…

Ngoài ra nhà trường đã tổ chức cho HS tham gia các hoạt động giao lưu: Rung chuông vàng, … được các em tích cực hưởng ứng và đạt kết quả tốt.

Việc chăm lo đến việc đổi mới PPDH, tham gia các kì thi GVCN giỏi từ cấp trường đến cấp xã, cấp tỉnh được nhà trường quan tâm chỉ đạo, GV tham gia tích cực và đạt kết quả cao.

* Hoạt động Đội TNTPHCM:

Tổ chức kết nạp đội Viên cho HS khối 3;

Tham gia múa hát sân trường chào mừng các ngày lễ lớn;

Thể dục, múa hát sân trường đọc sách được duy trì thành nề nếp tốt.

Cảnh quan môi trường Xanh sạch đẹp thường xuyên được đội TNTPHCM bám sát theo dõi thi đua.

* Công tác bán trú: Là năm thứ 6(Điểm chính) thực hiện có 630 em tham gia tăng so với năm học trước 100 em; Nhà trường đảm bảo về khẩu phần dinh dưỡng, công tác vệ sinh ATTP, linh hoạt chế biến, thay đổi các món ăn hàng ngày, chăm sóc quản lý tốt về giấc ngủ trưa. Ngoài ra nhà trường chú trọng khâu rèn kĩ năng sống văn minh lịch sự trong khi ăn uống. Rửa tay vệ sinh sạch sẽ trước khi ăn. Vì vậy kết thúc năm học không có trường hợp nào xấu xẩy ra.

*Về tham mưu xây dựng CSVC: Nhà trường đã tích cực vận động nguồn ngân sách cấp trên, các nhà hảo tâm, tham mưu về LĐ địa phương cho phép vận động tài trợ: Xây mới bếp ăn bán trú hoàn thành sớm, bổ sung bàn ghế đạt chuẩn, làm mái che sân trường cho HS, Nối mạng internet, lắp camera…đảm bảo tốt cho việc học tập.

* Chăm lo đến HS có hoàn cảnh khó khăn: Nhà trường đã kêu gọi các mạnh thường quân ủng hộ cho các em có hoàn cảnh khó khăn dịp lễ tết bằng các món quà nhỏ động viên các em vươn lên học giỏi. Không có em nào bỏ lại phía sau.

Trên đây là báo cáo công khai của trường tiểu học Hợp Nhân, rất mong nhận được sự góp ý của quý vị.

Trân trọng!

Nơi nhận:
- *Sở GD&ĐT Nghệ An(B/c);*
- *UBND xã Yên Thành(B/c);*
- *Lưu HS*

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN THÀNH T. NGHỆ AN
TRƯỜNG TIỂU HỌC HỢP NHÂN

Trần Thị Da